ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 34/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 11 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 44/TTr-SLĐTBXH ngày 07 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính:

Cấp tỉnh: thủ tục số thứ tự 1 mục VIII, số thứ tự 17, 18 mục IX của Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang.

Cấp huyện: thủ tục số thứ tự 3, 4, 6, 12, 13, 14 mục XIX của Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính:

Cấp tỉnh: thủ tục số thứ tự 5, 6, 7 mục IX của Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang.

Cấp huyện: thủ tục mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân; thủ tục số thứ thự 1, 2, 15, 16, 19 mục XIX của Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục kiểm soát TTHC-VPCP;
- Bộ Lao động - TBXH;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Website tỉnh;
- UBND các huyện, TX, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
I. Lĩnh vực Người có công					
1	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	25 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; - Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. - Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh. - Quyết định số 547/QĐ-LĐTBXH ngày 21/5/2020 của Bộ Lao động- TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ lao động - thương binh và xã hội.
2	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Không quy định thời gian	Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, - Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp; - Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH ngày 10/7/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. - Quyết định số 547/QĐ-LĐTBXH ngày 21/5/2020 của Bộ Lao động- TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ lao động - thương binh và xã hội.
II. Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước					
3	Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	10 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội (theo phân cấp)	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; - Điều 10 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính Phủ về việc Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm - Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 ngày 27/12/2008 của Chính phủ quy định về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					61 huyện nghèo. - Nghị định số 61/NĐ/2015/NĐ-CP ngày 09/7/215 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT/BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/NĐ/2015/NĐ-CP ngày 09/7/215 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm. - Quyết định số 1480/QĐ-LĐTBXH ngày 27/10/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động – thương binh và xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	10 ngày làm việc	Chủ đầu tư của mỗi dự án thực hiện hỗ trợ cho người lao động trong danh sách đền bù của dự án	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính Phủ về việc Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT/BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/NĐ/2015/NĐ-CP ngày 09/7/215 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm. - Quyết định số 1480/QĐ-LĐTBXH ngày 27/10/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động – thương binh và xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
III. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ					
5	Thủ tục Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Không quy định	UBND tỉnh	Không	- Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập. - Thông tư số 18/2006/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội. - Quyết định số 1828/QĐ-LĐTBXH ngày 10/12/2015 của Bộ Lao động – TBXH về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực tổ chức cán bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ lao động - thương binh và xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
IV. Lĩnh vực Lao động – Tiền lương					
6	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	Không quy định	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố được phân công, phân cấp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu	Không	- Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016; Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016. - Quyết định số 1255/QĐ-LĐTBXH ngày 11/8/2017 của Bộ Lao động-TBXH về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.
7	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III	Không quy định	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố được phân công, phân cấp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu	Không	- Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016; Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016. - Quyết định số 1255/QĐ-LĐTBXH ngày 11/8/2017 của Bộ Lao động-TBXH về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
V. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp					
8	Thủ tục công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục của tổ chức hoặc những người góp vốn thành lập trung tâm hoặc là cá nhân sở hữu trung tâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 158/QĐ-LĐTBXH ngày 01/2/2016 của Bộ Lao động- TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính bị bãi bỏ một phần thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục trên địa bàn.			
9	Miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không	- Luật giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng. - Quyết định số 645/QĐ-LĐTBXH ngày 8/5/2017 của Bộ Lao động- TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.
10	Cách chức chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không	- Luật giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng. - Quyết định số 645/QĐ-LĐTBXH ngày 8/5/2017 của Bộ Lao động- TBXH về

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.
VI. Lĩnh vực Việc làm					
11	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	Thời hạn tối đa 02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển được từ 500 lao động Việt Nam trở lên và 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 500 lao động Việt Nam	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không	- Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - Quyết định số 602/QĐ-LĐTBXH ngày 26/4/2017 của Bộ Lao động – TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					bãi bỏ của lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.
12	Thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập	- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đúng thủ tục), Sở Nội vụ phải có văn bản thẩm định; - Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nội vụ có văn bản thẩm định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,	- Cơ quan, tổ chức thẩm định: Sở Nội vụ. - Cơ quan quyết định thành lập: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	- Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012; - Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm; - Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. - Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập. Trường hợp không đồng ý việc thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan trình đề nghị thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm biết rõ lý do.			
13	Tổ chức lại, giải thể Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định	- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ	- Cơ quan, tổ chức thẩm định: Sở Nội vụ.	Không	- Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012; - Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hồ sơ hợp lệ (đúng thủ tục), Sở Nội vụ phải có văn bản thẩm định. - Trong thời hạn 25 (hai lăm) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nội vụ có văn bản thẩm định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định tổ chức lại, giải thể Trung tâm dịch vụ việc làm. Trường hợp	- Cơ quan quyết định thành lập: Ủy ban nhân dân tỉnh.		21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm; - Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. - Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		không đồng ý việc tổ chức lại, giải thể Trung tâm dịch vụ việc làm thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị việc tổ chức lại, giải thể Trung tâm dịch vụ việc làm biết rõ lý do.			
VII. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
14	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	35 ngày làm việc	Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân tỉnh	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. - Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực bảo trợ xã hội

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.
15	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	40 ngày làm việc	Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân tỉnh	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. - Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.
VIII. Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội					
16	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Không quá 40 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Lao động - TBXH	Không	- Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện. - Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003. - Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế hướng dẫn việc cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ma túy tự nguyện. - Quyết định số 313/QĐ-BLĐTBXH của Bộ Lao động – TBXH ngày 15/3/2019 về việc công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bãi bỏ lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.
17	Gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Không quá 30 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Lao động - TBXH	Không	- Nghị định số 147/2003/NĐ-CP - Nghị định số 94/2011/NĐ-CP - Nghị định số 80/2018/NĐ-CP; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP . - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP. - Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT. - Quyết định số 313/QĐ-BLĐTBXH của Bộ Lao động – TBXH.
18	Thay đổi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Không quá 30 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Lao động - TBXH	Không	- Nghị định số 147/2003/NĐ-CP - Nghị định số 94/2011/NĐ-CP - Nghị định số 80/2018/NĐ-CP; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP . - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đủ, hợp lệ)			- Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT. - Quyết định số 313/QĐ-BLĐTBXH của Bộ Lao động – TBXH.

II. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	1.004964.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	- Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a. - Quyết định số 547/QĐ-LĐTBXH ngày 21/5/2020 của Bộ Lao động- TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ lao động - thương binh và xã hội.	Lĩnh vực Người có công	UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND cấp tỉnh

2		Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Luật giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 1775/QĐ-LĐTBXH ngày 26/12/2016 của Bộ Lao động- TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1		Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 1789/QĐ-	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

			LĐTBXH ngày 13/12/2018 của Bộ Lao động- TBXH về việc công bố phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.		
2	1.001758.000.00.00.H01	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP. - Quyết định số 1789/QĐ-LĐTBXH.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
3	1.001753.000.00.00.H01	Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP. - Quyết định số 1789/QĐ-LĐTBXH.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp huyện

4	2.000291.000.00.00.H01 1.000669.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP. - Quyết định số 1789/QĐ-LĐTBXH.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
5	1.001776.000.00.00.H01	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP. - Quyết định số 1789/QĐ-LĐTBXH.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện

III. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1		Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp công lập	Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiến đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động - TBXH
2		Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp tư thục	Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiến đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động - TBXH

3		Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp tư thục có từ 02 thành viên góp vốn trở lên	Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiến đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động - TBXH
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1		Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	- Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.	Lĩnh vực Người có công	Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện

2		Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
3	1.001776.000.00.00.H01	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
4		Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	

5		Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
6	1.001739.000.00.00.H01	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	